| TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN<br>*<br>Số 108-CTr/TU | ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM<br><br>*Điện Biên, ngày 25 tháng 9 năm 2026* |
|---|---|

# CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới**

---

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

## I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 27-NQ/TW, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của phát triển vùng và tổ chức không gian phát triển trong giai đoạn mới; xác định liên kết vùng là một trong những phương thức quan trọng để mở rộng không gian phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, khắc phục các điểm nghẽn và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Cụ thể hóa đầy đủ, phù hợp các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW, gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch lớn của tỉnh; trọng tâm là tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phát huy các cực tăng trưởng, trục động lực, các không gian kinh tế và lợi thế biên giới, từng bước mở rộng không gian liên kết với các địa phương trong Vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

- Tập trung khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; lấy quy hoạch làm cơ sở định hướng tổ chức không gian, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phân bổ nguồn lực; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, thu hút mạnh mẽ nguồn lực ngoài nhà nước, tạo động lực mới cho tăng trưởng nhanh, xanh, thông minh, bền vững, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh đề ra.

### 2. Yêu cầu

- Bảo đảm việc cụ thể hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW đầy đủ, có trọng tâm,

trọng điểm, thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030; kế thừa, lồng ghép và phát huy hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đang triển khai.

- Tổ chức thực hiện thiết thực, khả thi, có lộ trình, thứ tự ưu tiên phù hợp với khả năng cân đối và huy động nguồn lực của tỉnh; xác định rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực thực hiện. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa tỉnh với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng và các địa phương của Lào, Trung Quốc có quan hệ hợp tác với tỉnh; ưu tiên giải quyết các vấn đề có tính liên ngành, liên tỉnh, liên vùng, có tác động trực tiếp đến mở rộng không gian phát triển của Điện Biên.

## II- MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức, quản lý và khai thác hiệu quả không gian phát triển của tỉnh trong tổng thể Vùng trung du và miền núi phía Bắc; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội theo hướng liên kết, phát huy hiệu quả các trục động lực, cực tăng trưởng và các không gian chức năng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, thông minh, bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường liên kết nội tỉnh, liên vùng và quốc tế, mở rộng không gian phát triển. Nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các địa bàn; bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia và nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 theo Phụ lục gửi kèm.

### 3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, Điện Biên trở thành tỉnh phát triển khá trong Vùng trung du và miền núi phía Bắc; có không gian phát triển kinh tế - xã hội được tổ chức hợp lý, kết nối đồng bộ, hiệu quả với các tỉnh trong vùng, cả nước và các địa phương của Lào, Trung Quốc. Kinh tế phát triển theo hướng xanh, thông minh, bền vững, dựa trên các ngành, lĩnh vực có lợi thế; hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại; du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, nông nghiệp hàng hóa và công nghiệp chế biến phát triển theo chuỗi giá trị; kinh tế cửa khẩu và hợp tác, liên kết kinh tế

đối ngoại được mở rộng.

Các đô thị, khu vực nông thôn, vùng biên giới và các không gian chức năng phát triển hài hòa; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, phát huy gắn với phát triển kinh tế - xã hội; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Môi trường được bảo vệ, tài nguyên được quản lý, sử dụng hiệu quả; quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ; Điện Biên trở thành điểm kết nối quan trọng về kinh tế, văn hóa, du lịch và đối ngoại của khu vực Tây Bắc.

## III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

### 1. Tổ chức không gian phát triển của tỉnh, thực hiện hiệu quả quy hoạch tỉnh gắn với tăng cường liên kết vùng

Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thường xuyên theo dõi, rà soát việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh; kịp thời cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan theo quy định, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, quy hoạch ngành và phù hợp với yêu cầu phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Gắn tổ chức thực hiện quy hoạch với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, các chương trình, dự án và phân bổ nguồn lực, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm.

Tổ chức không gian phát triển theo mô hình 04 trục động lực, 03 vùng kinh tế, 04 cực tăng trưởng được xác định trong Quy hoạch tỉnh; đồng thời rà soát, cập nhật để tổ chức không gian phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm không gian phát triển được xác định theo chức năng, tiềm năng, lợi thế, khả năng kết nối và yêu cầu phát triển của từng khu vực. Phát huy vai trò của các khu vực trung tâm, các cực tăng trưởng, các trục động lực trong dẫn dắt, lan tỏa phát triển; tăng cường liên kết giữa khu vực đô thị, khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, cửa khẩu và các địa bàn biên giới. Chủ động tham gia các cơ chế liên kết, điều phối phát triển Vùng trung du và miền núi phía Bắc; tăng cường kết nối Điện Biên với Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội, nhất là về giao thông, logistics, du lịch, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và thị trường.

Phát huy lợi thế biên giới, cửa khẩu; tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch và giao lưu Nhân dân với các địa phương của Lào, Trung Quốc theo quy định. Tập trung phát huy vai trò của Cửa khẩu quốc tế Tây Trang, Cửa khẩu A Pa Chải – Long Phú và các tuyến kết nối với Bắc Lào, Vân Nam; từng bước hình thành, mở rộng các không gian kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới và dịch vụ logistics gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

**2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng; nâng cao hiệu quả phối hợp và liên kết phát triển vùng**

Rà soát, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách còn bất cập, chồng chéo, mâu thuẫn, gây cản trở việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Ưu tiên hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân, huy động nguồn lực ngoài nhà nước và thúc đẩy liên kết phát triển.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng, tỉnh Sơn La đầu tư hoàn chỉnh tuyến cao tốc Phú Thọ - Sơn La - Điện Biên. Đối với các chương trình, công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên vùng, chủ động phối hợp ngay từ khâu rà soát, đề xuất, xác định thứ tự ưu tiên, chuẩn bị đầu tư, huy động nguồn lực đến tổ chức thực hiện và khai thác sau đầu tư. Lấy quy hoạch làm cơ sở xác định nội dung, phạm vi, thứ tự ưu tiên và phương thức liên kết; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa địa phương, vùng và quốc gia.

**3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực tăng trưởng mới**

Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, thông minh, tuần hoàn, bền vững; đổi mới tư duy phát triển từ chủ yếu dựa vào các nguồn lực sẵn có sang tư duy kiến tạo, dẫn dắt, khơi thông và kích hoạt nguồn lực toàn xã hội; lấy năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm những động lực quan trọng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển thực chất, hiệu quả, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Tập trung thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao, bền vững theo Nghị quyết Đại hội XV; phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt từ 10-11%/năm giai đoạn 2026-2030; chuyển mạnh từ tăng trưởng theo chiều rộng sang nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tạo dư địa tăng trưởng mới từ hạ tầng, du lịch, kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến, kinh tế số và các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với Chiến trường Điện Biên Phủ, văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, du lịch cộng đồng, sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch biên giới; tăng cường liên kết Điện Biên với Sơn La, Lai Châu, các địa phương trong vùng và các địa phương Bắc Lào, Vân Nam (Trung Quốc), nâng cao thời gian lưu

trú và mức chi tiêu của khách du lịch.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu gắn với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa và chuyển đổi số trong sản xuất; củng cố, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân theo chuỗi giá trị, gắn với thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tập trung hoàn thiện các thủ tục thành lập khu công nghiệp Thanh An, cụm công nghiệp Thanh Yên và các không gian công nghiệp phù hợp với lợi thế từng khu vực. Ưu tiên phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp tạo cơ sở thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu nông, lâm sản, sản xuất vật liệu và các ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, lợi thế.

Phát triển Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới, thương mại điện tử, vận tải, logistics; phát huy lợi thế kinh tế cửa khẩu; nâng cấp cửa khẩu quốc tế A Pa Chải – Long Phú, tập trung nâng cấp, khai thác có hiệu quả Cảng hàng không Điện Biên và các tuyến giao thông tăng cường kết nối nội tỉnh, liên vùng và hợp tác kinh tế, thương mại với các địa phương của Lào, Trung Quốc theo quy định.

**4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, tăng cường kết nối liên vùng**

Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, đảm tính kết nối, đồng bộ và hiệu quả đầu tư; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phù hợp với Quy hoạch tỉnh và Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ưu tiên phát triển các công trình hạ tầng có tính chiến lược, liên kết, lan tỏa, gắn với mô hình 04 trục động lực, 03 vùng kinh tế, 04 cực tăng trưởng; tăng cường kết nối giữa các cực tăng trưởng, đô thị, vùng sản xuất, khu vực cửa khẩu, các đầu mối giao thông và thị trường, tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển của tỉnh.

Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, tập trung, đẩy nhanh tiến độ đầu tư tuyến cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang; Quốc lộ 12 đi Cửa khẩu A Pa Chải và các tuyến giao thông kết nối cửa khẩu, các cực tăng trưởng, khu vực du lịch, khu, cụm công nghiệp; ưu tiên các công trình có khả năng mở rộng không gian phát triển, giảm chi phí logistics và tăng khả năng tiếp cận thị trường.

Phát triển đồng bộ hạ tầng năng lượng, thủy lợi, cấp nước, hạ tầng số và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu. Đầu tư, nâng cấp lưới điện, các công trình thủy lợi, cấp nước phục vụ sản xuất, đời sống và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước hoàn thiện hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa và các thiết chế xã hội thiết yếu, ưu tiên vùng biên giới, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

các địa bàn còn nhiều khó khăn, gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội.

Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, khuyến khích huy động nguồn lực ngoài nhà nước và đầu tư theo phương thức đối tác công trong lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng.

**5. Phát triển đô thị, các trung tâm và cực tăng trưởng gắn với tổ chức không gian phát triển**

Tổ chức phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc, theo lộ trình và định hướng được xác định trong Quy hoạch tỉnh, phù hợp với yêu cầu phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đồng bộ các quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, phường; bảo đảm thống nhất giữa tổ chức không gian đô thị với sử dụng đất, phát triển kết cấu hạ tầng, phân bố dân cư và các hoạt động kinh tế - xã hội; gắn phát triển đô thị với nâng cao chất lượng sống, sử dụng hiệu quả đất đai và phát huy đặc trưng, lợi thế của từng đô thị.

Xác định tập trung phát triển 04 đô thị hạt nhân nâng giá trị đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường liên kết giữa các trung tâm, cực tăng trưởng với các xã, phường, vùng sản xuất, khu vực cửa khẩu, các điểm du lịch; không để phát triển đô thị tách rời với không gian nông thôn, miền núi và biên giới. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đô thị; ưu tiên các công trình, dự án có tính kết nối, đồng bộ, tạo động lực phát triển; gắn đầu tư hạ tầng, chỉnh trang đô thị với khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

**6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và yêu cầu của doanh nghiệp; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tăng cường gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động; bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, đào tạo, thu hẹp chênh lệch về điều kiện và chất lượng giáo dục giữa các địa bàn, nhất là vùng cao, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời.

Ưu tiên đào tạo, thu hút nhân lực trong các lĩnh vực trực tiếp phục vụ các động lực tăng trưởng của tỉnh như du lịch, dịch vụ, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, quản lý quy hoạch, xây

dựng, tài nguyên, môi trường và kinh tế cửa khẩu.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của tỉnh; ưu tiên nhân lực trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Đẩy mạnh liên kết với các trường đại học, cơ sở nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, mở rộng hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực với các cơ sở có năng lực trong vùng và cả nước. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực. Xây dựng, cập nhật, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực, việc làm và giáo dục nghề nghiệp, phục vụ dự báo cung - cầu lao động và hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và khả năng tạo giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ. Phát huy hiệu quả Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh; ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch, bảo tồn văn hóa, quản lý tài nguyên, môi trường, phòng chống thiên tai, y tế, giáo dục, quản trị đô thị và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Phát triển, khai thác hiệu quả hạ tầng số, dữ liệu số và các nền tảng số; phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục hoàn thiện, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung; nâng cao năng lực quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức, quản lý không gian phát triển; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan Trung ương và các địa phương trong vùng theo quy định; bảo đảm an toàn, an ninh mạng và an toàn thông tin.

**7. Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện**

Bảo tồn, phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, bản sắc văn hóa, di sản và tri thức truyền thống của các dân tộc; xác định bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử và các giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 34-KH/TU, ngày 28/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và sinh kế bền vững của cộng đồng; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng nguồn lực cho phát triển văn hóa; tăng cường liên kết,

phối hợp với các địa phương, góp phần hình thành, phát triển các trục di sản, văn hóa, du lịch liên vùng. Tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa, lễ hội, xúc tiến và quảng bá hình ảnh Điện Biên; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong bảo tồn, số hóa, giới thiệu và phát huy giá trị di sản; từng bước phát triển các sản phẩm và ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện của tỉnh.

Nâng cao chất lượng mạng lưới y tế, bao phủ chăm sóc sức khỏe Nhân dân; phát triển hệ thống y tế theo hướng toàn diện, đồng bộ, hiện đại, thu hẹp chênh lệch về khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ y tế giữa các địa bàn. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực chuyên môn của các cơ sở y tế; tăng cường kết nối, liên kết chuyên môn, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật với các bệnh viện, cơ sở y tế tuyến Trung ương và các trung tâm y tế có năng lực chuyên môn cao; khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn lực hợp pháp phát triển y tế.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc; phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng toàn diện, đa tầng, hiện đại, chủ động, thích ứng, bao trùm, phù hợp với đặc điểm địa bàn của tỉnh; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ xã hội và trợ giúp xã hội. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

Tập trung thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo, gắn với hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tự vươn lên của người dân. Tập trung nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, giáo dục, y tế, sinh kế, việc làm, nước sạch, điện, thông tin và các dịch vụ cơ bản tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng biên giới; gắn giảm nghèo với phát triển sản xuất hàng hóa, đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, bảo đảm người dân thực sự được tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển.

**8. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu**

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và tài nguyên rừng, gắn với quy hoạch và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác tài nguyên, các nguồn gây ô nhiễm và hoạt động xả thải; nâng cao hiệu quả thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại và nước thải. Quản lý tổng hợp, phân bổ, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước. Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; gắn quản lý, bảo vệ, phát triển

rừng với sinh kế bền vững của người dân.

Tăng cường quản lý khoáng sản, vật liệu xây dựng; thực hiện nghiêm quy định về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; ưu tiên khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên phục vụ các công trình hạ tầng, nhất là các công trình, dự án trọng điểm bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và quyền lợi hợp pháp của người dân.

Thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế phối hợp giữa Điện Biên và các địa phương trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp xử lý các vấn đề có tính liên tỉnh, liên vùng, nhất là về nguồn nước, ô nhiễm môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và phòng, chống thiên tai. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; xây dựng, cập nhật, số hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu về đất đai, tài nguyên, môi trường, nguồn nước, rừng và thiên tai; từng bước kết nối với hệ thống dữ liệu, quan trắc, giám sát của vùng và quốc gia, phục vụ theo dõi, dự báo và chỉ đạo, điều hành.

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thủy lợi, bảo vệ nguồn nước và hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối, huy động nguồn lực; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp cho bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; nâng cao năng lực nhận diện, theo dõi và quản trị rủi ro, nhất là lũ quét, sạt lở đất, hạn hán và các hiện tượng thời tiết cực đoan; nâng cao năng lực chủ động ứng phó của cộng đồng.

**9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững mạnh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức không gian phát triển, nhất là tại khu vực biên giới và các địa bàn trọng yếu. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa, xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ.

Tăng cường quản lý, bảo vệ đường biên, mốc quốc giới; thực hiện nghiêm các văn kiện pháp lý về biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc; phối hợp xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trên biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới

hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm xuyên quốc gia, xuất nhập cảnh trái phép; nâng cao năng lực ứng phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, an ninh thông tin.

Củng cố, làm sâu sắc quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; tăng cường quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); mở rộng quan hệ với các địa phương, đối tác, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ nước ngoài phù hợp với định hướng đối ngoại của tỉnh. Thực hiện thực chất, hiệu quả các thỏa thuận, chương trình hợp tác đã ký kết; tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, gắn đối ngoại với mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, thương mại biên giới, du lịch, logistics, khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và huy động các nguồn lực phục vụ phát triển; tranh thủ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, kinh nghiệm, tri thức và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ phát triển của tỉnh.

**10. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị**

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm hoạt động thông suốt, gần dân, sát dân, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của từng địa bàn.

Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chú trọng chuẩn hóa, chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ; gắn đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ với vị trí việc làm và yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; quan tâm đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Kiên quyết khắc phục tình trạng thụ động, trông chờ, ỷ lại, né tránh, sợ trách nhiệm; khuyến khích cán bộ chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm", phù hợp với năng lực thực hiện; gắn phân cấp, phân quyền với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm người đứng đầu. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ thẩm quyền; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở; khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, chậm triển khai các chủ trương, nhiệm vụ, nhất là các công trình, dự án, nhiệm vụ có tác

động trực tiếp đến tăng trưởng và đời sống Nhân dân.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp, các ngành và địa phương để nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm một trong những thước đo hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân; bảo đảm Nhân dân được tham gia, được biết, được góp ý và giám sát đối với những chủ trương, quy hoạch, chương trình, dự án có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và đời sống của Nhân dân.

## IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này. Chủ động rà soát, cập nhật, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong tổ chức thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

**2.** Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, ưu tiên các nhiệm vụ, công trình, dự án có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực tăng trưởng; bảo đảm đồng bộ, khả thi; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất điều chỉnh các nội dung cần thiết phù hợp với thực tiễn.

**3.** Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của địa phương; ưu tiên các chính sách khơi thông nguồn lực, thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kết cấu hạ tầng và tổ chức không gian phát triển phù hợp với định hướng của tỉnh.

**4.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu hướng dẫn, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

**5.** Đảng ủy Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình hành động; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, cơ chế, chính sách, chương trình, dự án có tác động trực tiếp đến Nhân dân; định kỳ tổng hợp ý kiến,

kiến nghị của Nhân dân và kết quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một trong những nội dung được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện Chương trình hành động.

**6.** Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các công trình, dự án, chương trình liên kết vùng; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc đề xuất xử lý tình trạng trì trệ, né tránh, đùn đẩy, hình thức, kém hiệu quả.

**7.** Chương trình hành động này thay thế Chương trình hành động số 03-CTrHĐ/TU, ngày 04/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

**Trần Tiến Dũng**

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy trực thuộc;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

# PHỤ LỤC I
# CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

*(Kèm theo Chương trình hành động số 108-CTr/TU, ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên)*

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mục tiêu đến năm 2030 |
|---|---|---|---|
| 1 | Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân | %/năm | 10-11 |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | USD/người | 4.165 |
| 3 | Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản | % | 9,64 |
| 4 | Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng | % | 27,15 |
| 5 | Tỷ trọng khu vực dịch vụ | % | 59,45 |
| 6 | Tỷ trọng thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | % | 3,76 |
| 7 | Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP | % | 3,2 |
| 8 | Tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP | % | 25 |
| 9 | Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng | % | > 55 |
| 10 | Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm | % | 8,5 |
| 11 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ | % | 55 |
| 12 | Chỉ số phát triển con người (HDI) | Chỉ số | 0,694 |
| 13 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) | %/năm | 3 |
| 14 | Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh | Tuổi | 73 |
| 15 | Thời gian sống khoẻ | Năm | 64 |
| 16 | Số bác sĩ trên một vạn dân | Bác sĩ/vạn dân | 14 |
| 17 | Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm | % | 100 |
| 18 | Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế | % | Đạt bao phủ BHYT toàn dân |
| 19 | Tỷ lệ đô thị hóa | % | 32 |
| 20 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại) | % | 23,8% (10/42 xã), trong đó 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại |
| 21 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 47 |
| 22 | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | % | 100 |

# PHỤ LỤC II: DANH MỤC NHIỆM VỤ

*(Kèm theo Chương trình hành động số 108-CTr/TU, ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan, đơn vị liên quan | Hội nghị; tài liệu, hướngdẫn; báo cáo kết quả quán triệt | Tháng 10 năm 2026 | |
| 2 | Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo được Tỉnh ủy tại Quyết định số 7088-QĐ/TU, ngày 29/8/2026 của Tỉnh ủy về Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính) | Các sở, ngành địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan | Quyết định kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 củ Bộ Chính trị, Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cách thành viên Ban Chỉ đạo | Tháng 10 năm 2026 | |
| 3 | Thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh; tổ chức không gian theo mô hình 04 trục động lực – 03 vùng kinh tế – 04 cực tăng trưởng; kịp thời đề xuất cập nhật quy hoạch liên quan và lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, đầu tư công. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Tài chính) | Các sở, ngành địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan | Báo cáo rà soát; danh mục nội dung cần cập nhật, điều chỉnh; các nội dung được tích hợp vào kế hoạch phát triển | Hằng năm | NSNN và các nguồn hợp pháp khác |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | kinh tế – xã hội và kế hoạch đầu tư công. | | |
| 4 | Rà soát cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh liên quan đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, kinh tế tư nhân và liên kết phát triển; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý quy định bất cập, chồng chéo. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Các sở, ban, ngành tỉnh theo lĩnh vực) | Sở Tư pháp; các cơ quan, đơn vị liên quan | Báo cáo rà soát; danh mục chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị; hồ sơ dự thảo văn bản theo thẩm quyền. | Hằng năm | NSNN |
| 5 | Hoàn thành Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông chiến lược, kết nối liên vùng: tuyến cao tốc Sơn La – Điện Biên – Cửa khẩu Tây Trang, Quốc lộ 4H-Cửa khẩu A Pa Chải …. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng) | Các sở, ngành địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan | Đưa vào vận hành tuyến cao tốc Sơn La – Điện Biên, giai đoạn 1 | Hoàn thành trong năm 2029 | Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm; ngân sách trung ương và các nguồn hỗ trợ theo quyết định; PPP, vốn nhà đầu tư theo quy định. |
| 6 | Phát triển Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới nhằm phát triển thương mại điện tử, vận tải, logistics, mở rộng thị trường, lưu thông hàng hóa và hợp tác thương mại với Lào, Trung Quốc. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công Thương) | Sở Ngoại vụ; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; UBND các xã, | Kế hoạch, hoạt động kết nối giao thương và thương mại điện tử; danh mục đề xuất logistics, thương mại cửa khẩu; báo cáo | Hoàn thành trong năm 2028 | NSNN và các nguồn hợp pháp khác |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | phường; doanh nghiệp. | kết quả mở rộng thị trường. | | |
| 7 | Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững; phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến, bảo quản, truy xuất nguồn gốc, thương hiệu và liên kết doanh nghiệp – hợp tác xã – người dân theo chuỗi giá trị. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) | Các sở, ngành địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan | Kế hoạch, mô hình hoặc dự án phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị; kết quả liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ; báo cáo thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU. | Thường xuyên | NSNN, nguồn CT MTQG NSNN và các nguồn hợp pháp khác |
| 8 | Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp; phát triển công nghiệp chế biến và ngành công nghiệp phù hợp | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Công Thương) | Các sở, ngành địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan | Thành lập khu công nghiệp Thanh An, cụm công nghiệp Thanh Yên; dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp, thu hút đầu tư, lấp đầy khu,cụm công nghiệp | Thành lập khu, cụm công nghiệp Thanh Yên trong năm 2026;<br>Hoàn thành dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trong năm 2027 | NSNN và các nguồn hợp pháp khác. |
| 9 | Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng sản phẩm, kết nối điểm đến và tuyến du lịch liên vùng; mở rộng xúc tiến, quảng bá, | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn | Các sở, ngành địa phương và | Kế hoạch, sản phẩm và chương trình xúc tiến du lịch; | Hằng năm | NSNN và các nguồn hợp pháp khác |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | thị trường và liên kết doanh nghiệp du lịch. | hóa, Thể thao và Du lịch) | các cơ quan, đơn vị liên quan | nội dung liên kết tuyến, điểm với địa phương trong vùng; báo cáo thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU. | | |
| 10 | Tổ chức phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch; rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch chung xã, phường; cụ thể hóa vai trò của đô thị Điện Biên Phủ, Mường Lay, Tuần Giáo và Mường Nhé; ưu tiên hạ tầng thiết yếu, chỉnh trang và quản lý đô thị bằng dữ liệu. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Xây dựng) | Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường có đô thị và địa bàn liên quan. | Báo cáo rà soát quy hoạch; chương trình, dự án phát triển đô thị; báo cáo tiến độ hạ tầng và các cực tăng trưởng. | Hằng năm | Ngân sách quy hoạch, đầu tư công theo kế hoạch; nguồn thu hợp pháp từ đất đai theo quy định; vốn doanh nghiệp, PPP và xã hội hóa. |
| 11 | Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo ngành, địa bàn; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với thị trường lao động và nhu cầu doanh nghiệp; tăng cường hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tại vùng khó khăn, biên giới. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo) | Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và UBND các xã, phường. | Báo cáo nhu cầu nhân lực; kế hoạch đào tạo, liên kết cơ sở đào tạo – doanh nghiệp; dữ liệu phục vụ dự báo cung – cầu lao động. | Hoàn thành rà soát nhu cầu và kế hoạch lần đầu trong năm 2027; cập nhật hằng năm đến năm 2030. | Ngân sách giáo dục, đào tạo theo dự toán; chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí đào tạo của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác. |
| 12 | Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát huy Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh; | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Khoa | Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp | Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ | Thường xuyên. | Kinh phí khoa học, công nghệ và chuyển đổi |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hoàn thiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu và nền tảng số phục vụ quản lý không gian, điều hành và liên kết với các địa phương trong vùng. | học và Công nghệ) | và Môi trường; các sở, ngành, UBND các xã, phường; cơ sở nghiên cứu, đào tạo và doanh nghiệp. | và chuyển đổi số; cơ sở dữ liệu, nền tảng được kết nối, chia sẻ; báo cáo kết quả ứng dụng, đổi mới sáng tạo. | | số theo dự toán; vốn đầu tư công, nguồn doanh nghiệp, quỹ và nguồn hợp pháp khác. |
| 13 | Bảo tồn, số hóa và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, di sản và bản sắc các dân tộc; gắn bảo tồn văn hóa với du lịch, sinh kế cộng đồng và các trục văn hóa, di sản liên vùng. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính; Sở Ngoại vụ; UBND các xã, phường; cộng đồng, nghệ nhân và doanh nghiệp. | Kế hoạch bảo tồn, số hóa và phát huy di sản; sản phẩm, tuyến liên kết văn hóa – du lịch; hoạt động có sự tham gia của cộng đồng. | Hoàn thành trong năm 2027; sơ kết năm 2028. | Ngân sách văn hóa, di sản theo dự toán; chương trình mục tiêu; xã hội hóa, tài trợ và nguồn hợp pháp khác. |
| 14 | Nâng cao chất lượng y tế dự phòng, y tế cơ sở và khả năng tiếp cận dịch vụ; ưu tiên cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, liên kết chuyên môn và ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử phù hợp điều kiện của tỉnh. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Y tế) | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND các xã, phường; cơ sở y tế tuyến trung ương và trong vùng. | Kế hoạch nâng cao năng lực y tế; danh mục đầu tư, nâng cấp cơ sở y tế; kết quả liên kết chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật và ứng dụng số. | Thường xuyên | Ngân sách y tế theo dự toán; vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu; bảo hiểm y tế, xã hội hóa và nguồn hỗ trợ hợp pháp. |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Thực hiện kịp thời chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội và trợ giúp xã hội; tăng kết nối việc làm, đào tạo nghề cho người lao động và nhóm yếu thế. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nội vụ) | Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Bảo hiểm xã hội tỉnh; UBND các xã, phường. | Kế hoạch và báo cáo thực hiện chính sách an sinh, trợ giúp xã hội, bảo hiểm và việc làm; kết quả phối hợp, kết nối dịch vụ. | Thường xuyên | Ngân sách theo phân cấp, dự toán được giao; quỹ bảo hiểm và nguồn đóng góp hợp pháp; lồng ghép chương trình, chính sách liên quan. |
| 16 | Đổi mới phương thức giảm nghèo đa chiều, bền vững; gắn hỗ trợ với phát triển sản xuất, tạo sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và khả năng tự vươn lên của người dân. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) | Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương; UBND các xã, phường. | Kế hoạch, mô hình và báo cáo giảm nghèo; kết quả hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, đào tạo nghề, việc làm và thu nhập. | Hằng năm; đánh giá giữa kỳ năm 2028 và cuối kỳ năm 2030. | Ngân sách nhà nước theo phân cấp; chương trình mục tiêu quốc gia, tín dụng chính sách; vốn doanh nghiệp, hợp tác xã và nguồn hợp pháp khác. |
| 17 | Quản lý bền vững đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, rừng và môi trường; tăng cường phối hợp liên tỉnh, dữ liệu quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và giải pháp thích ứng với lũ quét, sạt lở, hạn hán, thời tiết cực đoan. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường) | Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; UBND các xã, phường | Báo cáo quản lý tài nguyên, môi trường; dữ liệu được cập nhật, kết nối; phương án, công trình ưu tiên và kết quả cảnh báo, | Hoàn thành CSDL đất đai trong năm 2026; cập nhật dữ liệu, phương án phòng ngừa và báo cáo kết quả hằng năm; | Ngân sách môi trường, phòng chống thiên tai và đầu tư công theo dự toán; chương trình mục tiêu, nguồn trung ương, xã hội hóa và |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | và địa phương liên quan. | ứng phó thiên tai. | sơ kết năm 2028. | nguồn hợp pháp. |
| 18 | Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với củng cố quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ và thế trận biên phòng; rà soát yêu cầu quốc phòng trong quy hoạch, hạ tầng và dự án tại địa bàn biên giới, trọng yếu. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) | Công an tỉnh; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Ngoại vụ; UBND các xã, phường biên giới. | Ý kiến thẩm định, phương án kết hợp quốc phòng – kinh tế; kế hoạch, báo cáo xây dựng khu vực phòng thủ và bảo vệ chủ quyền biên giới. | Thường xuyên | Ngân sách quốc phòng theo phân cấp; vốn đầu tư công cho công trình được phê duyệt; lồng ghép quy hoạch, dự án theo quy định. |
| 19 | Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy, tội phạm xuyên quốc gia, xuất nhập cảnh trái phép và nguy cơ an ninh phi truyền thống, an ninh mạng. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Công an tỉnh) | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh); Sở Ngoại vụ; các sở, ngành và UBND các xã, phường. | Kế hoạch phối hợp, phương án bảo đảm an ninh, trật tự; kết quả phòng ngừa, đấu tranh và xử lý các vấn đề phát sinh. | Thường xuyên | Kinh phí bảo đảm an ninh, trật tự theo dự toán; nguồn đầu tư, hỗ trợ hợp pháp và lồng ghép nhiệm vụ liên quan. |
| 20 | Triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác với các tỉnh Bắc Lào, tỉnh Vân Nam và đối tác phù hợp; gắn đối ngoại, hội nhập quốc tế, ngoại giao kinh tế với liên kết vùng, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, khoa học và công nghệ. | Đảng uỷ UBND tỉnh (Sở Ngoại vụ) | Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; Bộ Chỉ huy quân sự | Kế hoạch, chương trình hợp tác; thỏa thuận quốc tế được ký kết, triển khai đúng thẩm quyền; báo cáo kết quả | Cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động đối ngoại hằng năm; thực hiện thường xuyên đến năm 2030. | Kinh phí đối ngoại trong dự toán; nguồn hỗ trợ, viện trợ, hợp tác quốc tế và đóng góp |

| STT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Sản phẩm/Kết quả | Thời hạn hoàn thành | Nguồn lực |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | tỉnh (Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh); các cơ quan liên quan. | huy động hỗ trợ, kết nối đối tác. | | hợp pháp theo quy định. |